Ngày soạn: 01 /9/2024

Ngày dạy:

**BÀI 1. BẦU TRỜI TUỔI THƠ**

**Tiết 1,2 Văn bản 1: BẦY CHIM CHÌA VÔI**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**\* Yêu cầu tối thiểu**

- Trình bầy được ấn tượng chung về văn bản và những trải nghiệm giúp bản thân hiểu thêm văn bản Bầy chim chìa vôi

- Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật và tính cách nhân vật.

- Biết yêu quý tuổi thơ và trân trọng giá trị của cuộc sống

**\* Học sinh Khá, Giỏi**

- Cảm nhận được ấn tượng chung về văn bản và những trải nghiệm giúp bản thân hiểu thêm văn bản.

**2. Phẩm chất**

**-** Biết yêu quý tuổi thơ và trân trọng giá trị của cuộc sống.

- Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp

- Bối dưỡng tình cảm gia đình , tình yêu quê hương đất nước, yêu thiên nhiên….

**\* Tích hợp:**

- GDCD: giáo dục lòng yêu thương. GDMT: bảo vệ môi trường

- THGDTTĐ ĐLS: Giáo dục học sinh yêu vẻ đẹp của thiên nhiên, trân trọng giá trị cuộc sống

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định:**

**2. Kiểm tra đầu giờ**

**- GV Kiểm tra việc chuẩn bị sgk, vở ghi, đồ dùng học tập, bài soạn .**

**- H: Qua việc chuẩn bị bài em hiểu thế nào là đề tài, chi tiết, tính cách nhân vật?** - Phần tri thức ngữ văn/T10

**3. Tổ chức các hoạt động học**

**\* Hoạt động 1. Mở đầu**

**a. Mục tiêu:** Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; huy động tri thức nền và trải nghiệm của HS.

**b. Tổ chức thực hiện:**

**-** GV cho HS nghe bài hát “*Quê hương tuổi thơ tôi*” (Nhạc sĩ: Từ Huy) và trả lời câu hỏi

Link MV: <https://www.youtube.com/watch?v=NI1Jh4CCjv4>

1) *Lời bài hát cùng các hình ảnh trong video gợi cho em những cảm xúc, suy nghĩ gì ?*

2) *Em hãy chia sẻ thêm với cả lớp về những kỉ niệm tuổi thơ mà em đã trải qua.*

Học sinh lắng nghe, quan sát nêu cảm xúc suy nghĩ của bản thân, chia sẻ thêm về những kỉ niệm tuổi thơ của bản thân.

**-> GV dẫn vào bài:** *Mỗi con người ai cũng có tuổi trẻ, cũng trải qua những năm tháng trẻ con vui tươi, hồn nhiên. Những kỉ niệm đó sẽ theo chúng ta đến suốt cuộc đời, góp phần làm hoàn thiện tính cách, lối sống của bản thân sau này.*

*Đọc văn bản “Bầy chim chìa vôi” của nhà văn Nguyễn Quang Thiều, chúng ta thấy vô cùng gần gũi bởi các em sẽ tìm thấy đâu đó bóng dáng của mình trong các nhân vật của đoạn trích.*

**\* Hoạt động 2. Hình thành kiến thức**

**a. Mục tiêu**

- Nhận biết được thể loại, ngôi kể, sự việc chính trong văn bản, tóm tắt văn bản một cách ngắn gọn

- Hiểu được nét tiêu biểu về nhà văn Nguyễn Quang Thiều và văn bản “Bầy chim chìa vôi”.

- Hiểu và phân tích được các chi tiết nói về nhân vật cũng như tính cách của nhân vật Mên và Mon trong văn bản “Bầy chim chìa vôi”

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| **H.** Qua phần hướng dẫn chuẩn bị ở nhà, theo các em, chúng ta cần đọc văn bản với giọng đọc như thế nào?  **(HSHĐ cá nhân - chia sẻ.)**  - GV: Nhận xét ý kiến của HS, bổ sung nếu cần  + Đọc giọng to, rõ ràng và lưu loát.  + Thể hiện rõ lời thoại của Mên và Mon (đặc biệt là giọng điệu lo lắng của Mon và Mên).   * GV đọc mẫu một đoạn * HS đọc lần lượt đến hết VB -> nhận xét.   ***H: Truyện gồm những sự việc chính nào?***  **\* Sự việc chính**  - Mên và Mon tỉnh giấc khi trời đang mưa to, nước sông dâng cao, hai anh em lo lắng cho bầy chim chìa vôi non ngoài bãi sông.  - Mên và Mon muốn đưa bầy chim non vào bờ.  - Hai anh em lấy đò chèo ra bãi cát để mang bầy chim vào bờ nhưng không được vì nước sông to, đành quay lại quan sát.  - Bầy chim chìa vôi non đã bay lên được, thoát khỏi dòng nước khổng lồ trước sự ngỡ ngàng, vui sướng của hai anh em.  ***H: Hãy kể tóm tắt đoạn trích?***  *HS dựa vào chi tiết chính tóm tắt- hs nhận xét- gv nhận xét, uốn nắn (nếu cần)*  H Đ CN – tg 2’ trả lời câu hỏi  **H: Trình bày những hiểu biết của em tác giả về tác phẩm** *(Đề tại? Thể loại?Xuất xứ? Ngôi kể)*  **HS trình bày, chia sẻ, GV nhận xét, bổ sung, KL,**  1. Tác giả - Nguyễn Quang Thiều sinh 1957  - Quê: Hà Nội  - Những tác phẩm viết cho thiếu nhi của Nguyễn Quang Thiều thường chân thực, gần gũi với cuộc sống đời thường; thể hiện được tâm hồn trẻ thơ nhạy cảm; trong sáng, tràn đầy niềm yêu thương vạn vật.  - Không chỉ là nhà thơ tiên phong với trào lưu hiện đại mà còn là cây viết văn xuôi giàu cảm xúc. Trong ông không chỉ có con người bay bổng, ưu tư với những phiền muộn thi ca, mà còn có một nhà báo linh hoạt và nhạy bén.  - Ông từng được trao tặng hơn 20 giải thưởng văn học trong nước và quốc tế.  2. Tác phẩm  - Đề tài: Tuổi thơ và thiên nhiên (Hai đứa trẻ và bầy chim chìa vôi)  - Xuất xứ: in trong tập “*Mùa hoa cải bên sông*”.  - Thể loại: truyện  - Nhân vật chính: Mên và Mon.  - Ngôi kể: ngôi thứ ba  **GV:** Truyện kể về hai nhân vật Mên và Mon. Nội dung câu chuyện xoay xung quanh sự lo lắng, quan tâm của Mên và Mon đối với bầy chim chìa vôi giữa lúc nước sông đang dâng cao.  **(HSHĐ cá nhân - chia sẻ.)**  **H: Văn bản chia làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?**  - HS trả lời  - GV: Nhận xét ý kiến của HS, bổ sung nếu cần  + P1: Từ đầu … “bắt đầu mùa sinh nở của chúng”  🡪 Cuộc trò chuyện của Mên và Mon ở đoạn 1  + P2: tiếp theo… “Vâng! Cứ lấy đò của ông Hảo mà đi”.  🡪 Cuộc trò chuyện của Mên và Mon ở đoạn 2  + P3: còn lại 🡪 Cảnh bầy chim chìa vôi bay lên vào buổi bình minh.  **GV giới thiệu:** Nhân vật chính là Mên và Mon, khi phân tích truyện thông thường phân tích từng nhân vật, nhưng trong truyện hai anh em Mên, Mon xuất hiện xong hành qua những câu hỏi, câu trả lời ta thấy sự khác biệt của hai nhân vật nhưng chúng có điểm chung cũng rất là lớn thay vì phân tích từng nhân vật thì ở đây cô trò chúng ta đi phân tích cả hai nhân vật để thấy được nét chung của hai nhân vật qua đó soi chiếu chỉ ra nét riêng của hai nhân vật. Từ đó hiểu được nghệ thuật miêu tả tâm lý của nhà văn Nguyễn Quang Thiều.    **(HĐ cặp đôi 7 phút)**  **GV phát phiếu học tập – hs thực hiện theo yêu cầu**  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 01**  **Đọc kĩ sgk từ đầu -> Tao không biết/ T 11, 12 và trả lời các câu hỏi sau:**  1.Cuộc trò chuyện của hai anh em diễn ra trong thời gian, không gian nào?  2. Mon đã đặt ra những câu hỏi nào cho anh? Em có nhận xét gì về nhũng câu hỏi đó? Qua đó em thấy Mon là người ntn?  3: Câu trả lời của Mên, Mên đã trả lời em với thái độ ra sao ? Tại sao Mên lại có thái độ đó?  4. Qua cuộc trò truyện này em có nhận xét gì nghệ thuật kể chuyện của tác giả về nội dung câu chuyện, tính cách của Mên và Mon  **HS trình bày, chia sẻ, GV nhận xét, bổ sung, KL**  ***GV y/c hs gạch chân vào sgk***  1. - Thời gian: Khoảng hai giờ sáng.  - Không gian: - Mưa vẫn to  Nước sông dâng cao xiên xiết chảy  ( Từ láy “*xiên xiết*” miêu tả âm thanh của tiếng nước chảy, khắc họa hình ảnh trận mưa lớn, nhiều nước.)  -> Trong một đêm mưa cả hai anh em đều chưa ngủ.  *2. Những câu hỏi của Mon*  *- Anh bảo mưa có to không?*  *- Nhưng anh bảo nước sông lên có to không?*  *- Thế bãi cát giữa sông đã ngập chưa?*  *- Em sợ những con chim chìa vôi non bị chết đuối mất.*  *- Thế anh bảo chúng nó có bơi được không?*  -> Trong nhũng lời nói của Mon cứ lặp đi lặp lại cụm từ “ anh bảo” gợi nên cái non nớt đáng yêu của cậu bé tựa như chú chim non liu lo tập hót.  Những câu hỏi vu vơ, xa xôi dần dần tập trung vào trọng điểm thông tin vào mối quan tâm và lo lắng cho những chú chim chìa vôi non.  Mon là cậu bé có tâm hồn trong sáng, một trái tim nhân hậu, biết yêu thương loài vật, trân trọng sự sống.  *3. Câu trả lời của Mên*  *- Lại chẳng to.*  *- Bây giờ phải ngập đến cánh bãi dưới rồi.*  *- Sắp ngập đến bãi cát rồi.*  *- Tao cũng sợ…*  *- Chim thì bơi làm sao được.*  *- Tao không biết.*  Mên cũng tỉnh dậy lâu lắm rồi, kiên nhẫn trả lời nhũng câu hỏi của em nhưng đôi khi gắt lên với em -> bởi không chỉ những câu hỏi ngô nghê của Mon, mà còn bởi trong lòng cậu cũng đang tràn ngập lo âu cho nhũng chú chìa vôi non “ tao cũng sợ”  -> Mên là anh có phần hiểu biết truỏng thành hơn Mon nhưng vẫn là đứa trẻ hồn nhiên, giầu tình yêu thương. Cậu cũng có chung sự quan tâm lo lắng cho lũ chim chìa vôi với em mình.  - **Nghệ thuật**: sử dụng ngôn ngữ bình dị, chân thật, gẫn gũi với đời thường.  - **Nội dung**: xoay quanh việc Mên và Mon lo sợ bầy chim chìa vôi non sẽ bị chết đuối trước nguy cơ bãi cát giữa sông bị ngập do trời mưa to. 🡪 Mên và Mon là hai cậu bé hồn nhiên, ngây thơ, có trái tim trong sáng, giàu tình yêu thương đối với loài vật.  **GV bình:** Nhà Văn Ng Quang Thiều chắc hẳn phải có sự quan sát rất tinh tế, am hiểu thế giới trẻ thơ thì mới viết ra được những câu hỏi, câu trả lời giản dị hồn nhiên, gần gũi đã làm nổi bật hình ảnh và tình cảm của hai nhân vật Mon và Mên với thế giới loài vật.  **HS đọc ( có lẽ -> của chúng/ 12)**  **GV Chuyển ý:** Hai anh em Mên và Mon sống ở ngôi làng ven sông, chúng đều biết về sự tồn tại của bầy chim chìa vôi ở dải bãi cát giữa sông qua lời kể của bố đồng thời cũng rất tò mò lo lắng về việc liệu bầy chim chìa vôi non có kịp cất cánh bay khi nước sông ngập dải cát. Vậy hai anh đã làm gì để giải cứu bầy chim.....    **(HĐ CN 5 phút)**  **GV phát phiếu học tập – hs thực hiện theo yêu cầu**  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 02**  **Đọc kĩ sgk phần 2 T 13,14 và trả lời các câu hỏi sau vào phiếu học tâp:**  H: Ở phần 2, Mon và Mên đã nói những gì về việc giải cứu bầy chim chìa vôi? *(gạch chân sgk)*  H: Qua nội dung đó em sẽ nhận xét nghệ thuật kể chuyện của tác giả và nhân vật Mon, Mên?  **HS trình bày, chia sẻ, GV nhận xét, bổ sung, KL**   |  |  | | --- | --- | | **\* Giải cứu bầy chim chìa vôi** | | | Lời của Mon | Lời của Mên | | - Anh đã nhìn thấy chim chìa vôi nó bay từ bãi cát vào bờ bao giờ chưa?  - Tổ chim sẽ bị chìm mất.  - Hay mình mang chúng nó vào bờ.  - Tổ chim ngập mất anh ạ. Mình phải mang chúng nó vào bờ, anh ạ.  - Vâng, cứ lấy đò của ông Hảo mà đi. | - Chưa.  - Thế làm thế nào bây giờ?  - Bây giờ nước to lắm, làm sao mà lội ra đấy được.  - Đi bây giờ à? | | 🡪 *Nghệ thuật*: sử dụng ngôn ngữ đối thoại.  🡪 *Nội dung*: Thể hiện quyết tâm giải cứu bầy chim chìa vôi ở bãi cát giữa sông của hai đứa trẻ. | |   \* Ngoài việc quyết tâm giải cứu bầy chim, Mon còn giải cứ cá bống. Mon trộm con cá bống của bố đem thả ra sông. Điều này một lần nữa khẳng định thêm Mon là cậu bé có trái tim nhân hậu.  **GV kể đoạn: trôi đến đoạn sông cách bến đò.... Làm sao tao biết được -> dẫn dắt chuyển sang phần 2.**  Từ cuộc trò chuyện lo lắng đó hai anh em đã biến thành hành động giải cứa bầy chim. Chúng lấy đò của ông Hảo để ra bãi cát, trên con đò đó trôi đến đoạn sông chừng gần hai cây số con đò mới tạt đuọc vào bờ vượt qua dòng nước nguy hiểm trong đêm tối. Chính sự lo lắng cho bầy chim mà hai đứa trẻ liều mình trong đêm tối, dù rất sợ bố mẹ mắng -> cho thấy hai đứa trẻ rất dũng cảm, yêu loài vật. Vậy cảnh bầy chim chìa vôi cất cánh diễn ra như thế nào ......  **Tiết 2**  **H Đ N 4- 5 phút**  **Chú ý sgk (Khi ánh bình minh -> hết) trả lời câu hỏi:**  1. Cảnh cất cánh của bầy chim chìa vôi vào thời gian nào? Khung cảnh bãi sông? Cuộc cất cánh của chim chìa vôi? Tâm trạng của Mon và Mên khi chứng kiến cảnh bầy chim chìa vôi cất cánh?  ( Gạch chân vào sgk)  2. Nhận xét về Nt kể chuyện của tác giả và tâm trạng của hai anh em Mon, Mên?  **Đại diện nhóm trình bày, chia sẻ, GV nhận xét, bổ sung, KL**  1. - **Thời gian**: vào buổi sáng bình minh.  - **Khung cảnh bãi sông:** Dòng nước khổng lồ nuốt chửng phần còn lại cuối cùng của dải cát.  - **Cuộc cất cánh của bầy chim chìa vôi**:  + Một cảnh tượng như huyền thoại hiện ra. + Những cánh chim bé bỏng và ướt át đột ngột bứt khỏi dòng nước khổng lồ...  + Cuối cùng bầy chim đã thực hiện xong chuyến bay quan trọng, đầu tiên và kì vĩ nhất trong đời của chúng…  *-> Chi tiết này cho ta cảm nhận về sự kì diệu của thế giới tự nhiên và bản lĩnh của sự sinh tồn.*  - **THGDTTĐ ĐLS**: Trước vẻ đẹp kì diệu của thế giới tự nhiên các em sẽ có những hành động gì?  - **Tâm trạng của** **Mon và Mên khi chứng kiến cảnh bầy chim chìa vôi cất cánh**:  + Đứng không nhúc nhích  + Trên gương mặt tái nhợt của chúng hừng lên ánh ngày.  + Cả hai đã khóc tự lúc nào.  + Chúng cùng nhìn nhau và bật cười.  ( Câu hỏi 7 sgk /17 : Hai đứa trẻ khóc vì sung sướng, hạnh phúc khi nhìn thấy những cánh chim chìa vôi non nớt đã trải qua sự khốc liệt của mưa, của dòng nước để bay được vào bờ - bầy chim non đã thực hiện xong chuyến bay quan trọng, đầu tiên và kì vĩ nhất trong đời chúng. Từ sự quan tâm, yêu thương chuyển hóa thành hạnh phúc, khi mà hai đứa trẻ nhìn thấy đối tượng mà chúng quan tâm vượt qua được khó khăn thử thách. Những cánh chim nhỏ bé bứt lên khỏi dòng nước khi dòng nước nhấn chìm bãi cát. Đó là cảnh tượng huyền diệu.  2. - Nghệ thuật: miêu tả tâm lí nhân vật.  - Lúc đầu, Mên và Mon căng thẳng, lo lắng. Sau khi bầy chim chìa vôi non cất cánh thì Mên và Mon sung sướng, hạnh phúc.  **H: Chi *tiết*** *( Cuối cùng bầy chim đã thực hiện xong chuyến bay quan trọng, đầu tiên và kì vĩ nhất trong đời của chúng… bờ sông)* **gợi cho em liên tưởng đến điều gì trong cuộc sống?**   * Gợi liên tưởng đến lòng dũng cảm, những khoảnh khắc con người vượt qua gian nan thử thách để trưởng thành...   **\* GV bình:** Hai đứa trẻ lo lắng cho bầy chim chìa vôi còn hơn cả bản thân mình. Chúng đã không quản đêm mưa gió, nước sông lên cao mà vẫn quyết tâm ra bãi cát để giải cứu bầy chim chìa vôi điều đó một lần nữa khẳng định hai anh em Mon, Mên ngây thơ, ngây thơ ngay cả trong việc không toan tính đến an toàn của bản thân, tự ý lấy đò để đi cứu bầy chim chìa vôi nhỏ, chúng còn yêu thiên nhiên, dũng cảm lương thiện, giầu lòng nhân hậu.  **HĐ chung cả lớp**  H: Khái quát những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản và nội dung chính của văn bản “Bầy chim chìa vôi”?  **HS trình bày, nhận xét, bổ sung.**  **Gv nhận xét, đánh giá. GVKL, chốt ghi**  **H Đ CN- tg 2’**  H: Sau khi học xong văn bản “Bầy chim chìa vôi”, em học tập được điều gì về cách lựa chọn đề tài, về cách kể chuyện và về việc lựa chọn chi tiết của tác giả khi kể chuyện?  **HS trình bày, chia sẻ, GV nhận xét, bổ sung, KL**  *\* Về cách lựa chọn đề tài* gần gũi với cuộc sống của trẻ thơ ở chốn quê thanh bình.  *\* Về cách kể*  - Sử dụng ngôi kể thứ ba (người kể giấu mình, không xưng “tôi”).  - Ngôn ngữ đối thoại mộc mạc, gần gũi, tự nhiên.  - Ngôn ngữ kể tự nhiên.  *\* Về lựa chọn chi tiết*  tiêu biểu để kể/tả.    **HĐ 3: Luyện tập**  **\* Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn, củng cố kiến thức  \* Tổ chức thực hiện  **HĐ CN- 5p thực hiện bài tập.**  ***\* Gợi ý:***   * ***Hình thức:*** đoạn văn 5-7 câu * ***Ngôi kể:*** thứ nhất ( lời kể của Mon hoặc Mên) * ***Nội dung:*** sự việc bầy chim chìa vôi bay lên khỏi bãi sông.   **HS đọc đoạn văn, hs nhận xét, gv nhận xét, GV chiếu đoạn văn tham khảo**  Lúc đó, trời vẫn còn mưa. Hai anh em tôi nín lặng, ngồi im như xem đến đoạn phim gay cấn nhất. Tôi và anh Mên chỉ lo nhỡ con chim non kia có mệnh hệ gì... Thế rồi chuyện mà hai anh em tôi lo sợ đã xảy ra, con chim non suýt thì rơi xuống dòng nước. Tôi và anh Mên suýt thì hét lên theo tiếng hốt hoảng của chim mẹ. Nhưng may mắn thay, ở nhịp quyết định, con chim non đã bay vượt được lên. Khi đàn chim đã bay vào bờ, hai anh chúng tôi vẫn không dám nhúc nhích vì sợ có gì bất trắc; nước mắt chúng tôi cứ giàn ra, thế là, cuối cùng bầy chim non đã thực hiện xong chuyến bay quan trọng, đầu tiên và kì vĩ nhất trong đời chúng. | **I. Đọc và tìm hiểu chung**  **1. Tác giả Nguyễn Quang Thiều**   * Ông viết cho thiếu nhi với những tác phẩm gần gũi, chân thực; thể hiện đuọc tâm hồn trẻ thơ nhạy cảm, trong sáng ....   **2. Tác phẩm**  - Đề tài: Tuổi thơ  - Xuất xứ: in trong tập “*Mùa hoa cải bên sông*”.  - Thể loại: truyện  - Nhân vật chính: Mên và Mon.  - Ngôi kể: ngôi thứ ba  **3. Bố cục:** 3 phần  **III. Tìm hiểu văn bản**  **1. Cuộc trò chuyện của hai anh em Mên và Mon**  **a. Cuộc trò truyện thứ nhất**  *-> Ngôn ngữ đối thoại bình dị, chân thật, gẫn gũi với đời thường.*  Cuộc nói chuyện giữa hai anh em xoay quanh việc lo sợ bầy chim chìa vôi non sẽ bị chết đuối trước nguy cơ bãi cát giữa sông bị ngập do trời mưa to. Qua đó cho ta thấy Mên và Mon là hai cậu bé hồn nhiên, ngây thơ, có trái tim trong sáng, giàu tình yêu thương đối với loài vật.  **b. Cuộc trò truyện thứ hai**   * *Ngôn ngữ đối thoại* *sinh động* tác giả đã cho ta thấy được sự lo lắng cho bầy chim và quyết tâm giải cứu bầy chim chìa vôi ở bãi cát giữa sông của hai đứa trẻ.   **2. Cảnh bầy chim chìa vôi cất cánh**   * Miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật tinh tế . Lúc đầu, Mên và Mon căng thẳng, lo lắng. Sau khi bầy chim chìa vôi non cất cánh an toàn thì Mên và Mon đã khóc vì vui sướng, hạnh phúc khi chứng kiến bầy chim chìa vôi không bị chết đuối; khóc vì được chứng kiến cảnh kì diệu của thiên nhiên.   **III. TỔNG KẾT**  **1. Nghệ thuật**  - Sử dụng ngôn ngữ đối thoại.  - Miêu tả tâm lí nhân vật.  **2. Nội dung**  - Kể về cuộc cất cánh của bầy chim chìa vôi non qua điểm nhìn của hai cậu bé Mên và Mon.  - Qua đó ca ngợi trái tim ngây thơ, tràn đầy tình yêu thương, nhân hậu của trẻ nhỏ.  **V. Luyện tập**  **Đề bài:** Em hãy viết đoạn văn (5-7 câu) kể lại sự việc bầy chim chìa vôi bay lên khỏi bãi sông bằng lời của một trong hai nhân vật Mon hoặc Mên (ngôi kể thứ nhất) |

**4. Củng cố**

HĐCCL, thực hiện câu hỏi

**H. Nhắc lại đề tài, chi tiết, tính cách nhân vật?** *- Phần tri thức ngữ văn*

**H. Từ bài học, em rút ra cho mình bài học gì trước loài vật (đặc biệt là loài vật hoang dã)?**

HS suy nghĩ, TL, nhận xét, bổ sung.

GV khái quát nội dung bài học, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm.

**5. Hướng dẫn học bài**

**- Bài cũ:**

+ Xem lại toàn bộ nội dung đã học của bài “ Bày chim chìa vôi”

+ Học thuộc nội dung vở ghi.

* **Bài mới:**

+ Soạn bài “ Thực hành tiếng Việt”/T17,18

**Tóm tắt cốt truyện.**

Vào đêm mưa to, hai anh em Mên và Mon tỉnh dậy trò chuyện về việc nước sông lên cao và lo lắng cho bầy chim chìa vôi non ngoài bãi sông. Trời gần sáng mưa vẫn không ngớt, hai anh em càng lo lắng tổ chim chìa vôi sẽ bị chìm mất. Dù có suy nghĩ đi cứu tổ chim chìa vôi nhưng Mên và Mon không biết làm cách nào để ra được dải cát giữa sông. Hai anh em quyết định trốn bố, lấy đò chèo ra bãi sông cứu lũ chim. Hai anh em không ra được bãi sông vì mưa lớn, nước chảy xiết đành quay lại quan sát. Nhưng khi bình minh ló rạng, hai anh em chứng kiến khoảnh khắc những chú chim non cất mình bay lên khỏi mặt nước, vào bờ an toàn. Cả hai cùng sung sướng, lặng lẽ khóc.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1. Cuộc nói chuyện của Mên và Mon ở đoạn 1** | | |
|  | **Chi tiết** | |
| **Thời gian** | - Khoảng hai giờ sáng | |
| **Hoàn cảnh** | - Mưa vẫn to  - Nước sông dâng cao xiên xiết chảy | |
| **Nội dung câu hỏi và câu trả lời** | **\* Lời của Mon**  - Anh bảo mưa có to không?  - Nhưng anh bảo nước sông lên có to không?  - Thế bãi cát giữa sông đã ngập chưa?  - Em sợ chim chìa vôi non bị chết đuối mất.  - Chúng nó có bơi được không?  - Sao nó lại không làm tổ ở trên bờ? | **\* Lời của Mên**  - Lại chẳng to.  - Bây giờ phải ngập đến cánh bãi dưới rồi.  - Sắp ngập đến bãi cát rồi.  - Tao cũng sợ…  - Chim thì bơi làm sao được.  - Tao không biết. |
| **Tâm trạng của Mên và Mon** | **Mon**: em sợ | **Mên**: tao cũng sợ |
| **Nhận xét** | - **Nghệ thuật**: ngôn ngữ bình dị, gần gũi với đời thường.  - **Nội dung**: Mên và Mon lo sợ bầy chim chìa vôi non sẽ bị chết đuối trước nguy cơ bãi cát giữa sông bị ngập.  ***🡪 Mên và Mon hồn nhiên, ngây thơ, có trái tim trong sáng, giàu tình yêu thương đối với loài vật.*** | |

Ngày dạy:

**Tiết 3 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**MỞ RỘNG TRẠNG NGỮ CỦA CÂU BẰNG CỤM TỪ**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

- Nêu được tác dụng của việc dùng cụm từ để mở rộng thành phần trạng ngữ trong câu.

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản

\* **Học sinh khá, giỏi**

Hiểu tác dụng của việc dùng cụm từ để mở rộng thành phần trạng ngữ trong câu.

**2. Phẩm chất**

- HS Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

1.Giáo viên: KHBD, SGK, SGV; Máy tính, máy chiếu, PHT,..

2.Học sinh: SGK, bài soạn,...

**III.Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định:**

**2. Kiểm tra đầu giờ**

- GV Kiểm tra việc chuẩn bị sgk, vở ghi, đồ dùng học tập, bài soạn .

**3. Tổ chức các hoạt động học:**

**\* Hoạt động 1: Mở đầu**

**a. Mục tiêu**:

Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Tổ chức thực hiện:**

GV chiếu một số hình ảnh, yêu cầu HS đặt câu có sử dụng trạng ngữ.

**Hình 1:** *Ngoài vườn*, hoa đua nhau nở rộ. (TN chỉ địa điểm)

**Hình 2:** *Bằng sự ân cần*, bà chăm lo cho cháu. (TN cách thức)

**Hình 3:** *Vì rét*, cây bàng rụng lá*.* (TN chỉ nguyên nhân)

GV dẫn dắt vào bài mới: Kiến thức về Trạng ngữ các con đã được học từ lớp dưới và chúng ta đều biết đó là thành phần phụ của câu, được thêm vào câu nhằm bổ sung ý nghĩa cho thành phần chính của câu. Trong đó mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ có tác dụng như thế nào đối với việc diễn đạt nội dung của câu, ta vào bài học hôm nay…

**\* Hoạt động 2. Hình thành kiến thức**

**a. Mục tiêu:**

- Hiểu và phân tích được tác dụng của việc dùng cụm từ để mở rộng thành phần trạng ngữ trong câu.

HS biết dùng cụm từ để mở rộng trạng ngữ.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung** |
| **HSHĐ nhóm 4 – thời gian 4 phút** đọc  thầm bài tập 1.a,b,c,d TL/17, 18 và thực  hiện thêm các yêu cầu.  **H.*Xác định trạng ngữ trong các cặp câu***  ***trong TL phần 1 a-d trang 17,18.***  **HS HĐCN – 5p - thực hiện yêu cầu bài**  **tập 2 – TL trang 18.**  **H. HS HĐCN –3p – trình bày- chia sẻ.**  ***H. Qua nội dung bài tập, em thấy việc mở rộng TN của câu bằng một cụm từ có tác dụng***  ***gì*?**  **HS trình bày – chia sẻ.**  **GV nhận xét kết luận.**  **HS HĐCN – 3p (Phát huy vai trò của**  **HSG)**  **H:** Thi đặt câu có sử dụng trạng ngữ là một từ sau đó mở rộng thành một cụm từ.  HS thực hiện yêu cầu. GV nhận xét, kết luận.  VD: Trên sân trường, những đứa trẻ đang nô đùa.  -Trên sân trường rộng và sạch, những đứa trẻ đang nô đùa.  **HS HĐC – 5p – thực hiện yêu cầu Bài tập 3.a.b.c trang 18.**  **HĐCN – 1p – trình bày – chia sẻ.**  **H.Qua bài tập, em hiểu thế nào là từ láy?**  **GV kết luận toàn bài.**  **HĐ 3: Luyện tập**  a. Mục tiêu  Vận dụng kiến thức đã học để làm các bài tập liên quan  b. Tổ chức thực hiện  **HS HĐCN – trình bày – chia sẻ.**  **Từ các ví dụ a1, b1 – hãy mở rộng TN bằng một cụm từ và nêu tác dụng?**  **GV nhận xét, kết luận.**  a.1 Buổi trưa, khu phố nhà tôi yên tĩnh đến lạ thường.  b.1 *Trên bãi cỏ, những đứa trẻ con đang nô đùa.*  **H. Em hãy lấy ví dụ có sử dụng trạng ngữ và mở rộng trạng ngữ bằng 1 cụm từ.**  **HS trình bày – chia sẻ.**  **HS đọc, thực hiện yêu cầu bài tập 2.**  **HĐCN – 3p – trình bày – chia sẻ.**  **GV nhận xét, kết luận.**  Xác định từ láy và nêu hiệu quả sử dụng từ láy trong trích đọan bài thơ “Thương Vợ” của Tú Xương:  *“Quanh năm buôn bán ở mom sông,*  *Nuôi đủ năm con với một chồng.*  *Lặn lội thân cò khi quãng vắng,*  *Eo sèo mặt nước buổi đò đông.”* | **I. Mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ.**  **1.Bài tập**  a.**Bài tập 1:** **Xác định và so sánh, nhận xét tác dụng của việc mở rộng TN của câu bằng cụm từ.**  (Nội dung trả lời ở phụ lục 1)  **b.Bài tập 2:** TL trang 18.  *Đêm, trời mưa như trút nước.*  -> Trạng ngữ là 1 từ “Đêm”.  Đêm hôm qua, trời mưa như trút nước  -> Trạng ngữ là một cụm từ “Đêm hôm qua” -> Cung cấp thông tin cụ thể hơn về thời gian của sự việc trời mưa như trút nước.  **2.Kết luận**  \* Việc mở rộng TN trong câu bằng cụm từ, giúp cho nội dung thông tin được nói đến trong câu rõ ràng, cụ thể hơn.  **II.Từ láy**  **1.Bài tập 3.a.b.c trang 18**  Các từ láy và tác dụng.  a.xiên xiết  - Tác dụng: nhấn mạnh tốc độ chảy của dòng sông.  ***b.bé bỏng***  - Tác dụng: nhấn mạnh sự nhỏ bé, non nớt của con chim chìa vôi  ***c. mỏng manh***  - Tác dụng: Nhấn mạnh sự yếu ớt, chưa chắc chắn của đôi cánh chim.  **2.Kết luận:** *Từ láy* Là từ được tạo thành bởi các tiếng giồng nhau về vần, thường từ trước là tiếng gốc và từ sau sẽ láy âm hoặc vần của tiếng gốc.  **III.Luyện tập**  **Bài tập 1:**  a.1 Buổi trưa, khu phố nhà tôi yên tĩnh đến lạ thường.  a2. Buổi trưa hè nắng như đổ lửa, khu phố nhà tôi yên tĩnh lạ thường.  b.1 *Trên bãi cỏ, những đứa trẻ con đang nô đùa.*  *B2. Trên bãi có non xanh mướt, những đứa trẻ con đang nô đùa.*  **Bài tập 2:** Xác định từ láy và nêu hiệu quả sử dụng:  - Từ láy *“Lặn lội”*: Gợi sự lam lũ, cực nhọc đầy gian truân.  - Từ láy *“Eo sèo”* gợi lên khung cảnh chen lấn, giành giật, xô đẩy nhau. |

**4. Củng cố bài.**

**HS:** HĐCN 1P, trình bày – chia sẻ.

H. Việc mở rộng trạng ngữ của câu bằng một cụm từ có tác dụng gì?

H. Thế nào là từ láy? Nêu tác dụng của từ láy?

HS trình bày – chia sẻ. GV nhận xét, kết luận toàn bài.

**5.Hướng dẫn học tập**

\*Bài cũ:

+ Đọc và học kĩ nội dung của bài

+ Đọc, tóm tắt ngắn gọn văn bản “Đi lấy mật” của Đoàn Giỏi và trả lời các câu hỏi trong tài liệu trang 24 vào vở soạn.

**PHỤ LỤC 1:**

**Bài tập 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÂU** | **SO SÁNH** | **NHẬN XÉT (Tác dụng của việc mở rộng TN của câu bằng cụm từ)** |
| **A** | Câu a2 trạng ngữ được mở rộng : “Suốt từ chiều” | Giúp cho thời gian diễn ra sự việc được cụ thể, rõ ràng hơn. (Nước dâng lên nhanh hơn) |
| **B** | Câu b2 trạng ngữ mở rộng bằng cụm từ: “lớn tràn ngập ánh sáng” | Giúp miêu tả cụ thể hơn về không gian của sự việc: những bức tranh của thí sinh treo kín bốn bức tường. |
| **C** | **Câu c2 TN được mở rộng** bằng từ: “mưa rào” | Cung cấp thông tin cụ thể về sự việc (mưa rào) đã xảy ra đêm hôm trước khiến thời tiết thay đổi rõ ràng. |
| **D** | Câu d2 trạng ngữ mở rộng bằng cụm từ: “cũ kề bên một xóm nhỏ” | Giúp cụ thể hóa nơi chốn của sự việc người phụ nữ trẻ đang phơi thóc. |
|  |  |  |

**Ngày giảng:**

**Tiết 4,5,6 VĂN BẢN: ĐI LẤY MẬT**

**(Đoàn Giỏi)**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

- Trình bày được ấn tượng chung về văn bản và những trải nghiệm giúp bản thân hiểu thêm văn bản Đi lấy mật.

- Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật và tính cách nhân vật.

**\*Yêu cầu đối với HS khá giỏi**

Viết được đoạn văn nêu cảm nhận sâu sắc về nhân vật, có sự sáng tạo trong cách dùng từ, đặt câu

**2.Phẩm chất:**

- Biết yêu quý tuổi thơ và trân trọng giá trị của cuộc sống.

- Biết yêu quý thiên nhiên và trân trọng giá trị của tuổi thơ, của cuộc sống.

- Bồi dưỡng tình cảm gia đình, tình yêu quê hương đất nước, yêu thiên nhiên, trân trọng những giá trị của thiên nhiên.

**\* THGDTTĐ ĐLS**: Giáo dục học sinh yêu vẻ đẹp của thiên nhiên, trân trọng sự sống

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Ổn định tổ chức**

**2. Kiểm tra đầu giờ**

H. Trình bày những nét chính về nội dung và nghệ thuật của bài “Bầy chim chìa vôi” – Nguyễn Quang Thiều.

H. Cảm nhận của em về nhân vật Mên Và Mon?

**3. Tổ chức các hoạt động học**

**\* HĐ1: Mở đầu**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình để khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Tổ chức thực hiện**

**HS theo dõi video và nêu cảm nhận chung về con người và đất rừng phương Nam.**

<https://youtu.be/-zBGd-kLWGw>

- GV NX, dẫn dắt: Con người phương Nam chân chất, giỏi giang, giàu kinh nghiệm; rừng phương Nam hoang sơ, nhiều thú vị… được thể hiện qua trích đoạn … như thế nào…

**\* HĐ2 : Hình thành kiến thức**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết, hiểu và phân tích được các chi tiết tiêu biểu để từ đó hình dung ra được cảnh sắc, con người Nam Bộ qua hành trình lấy mật của các nhân vật với những trải nghiệm mới lạ, độc đáo nơi núi rừng Nam Bộ.

- Biết lắng nghe và có phẩn hồi tích cực trong giao tiếp, biết hợp tác và giải quyết vấn đề.

- Biết yêu quý thiên nhiên và trân trọng giá trị của tuổi thơ, của cuộc sống.

- Viết được đoạn văn nêu cảm nhận sâu sắc về nhân vật, có sự sáng tạo trong cách dùng từ, đặt câu

**b. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung** |
| **H. Qua phần việc chuẩn, theo các em, chúng ta cần đọc văn bản với giọng đọc như thế nào?**  **(HSHĐ cá nhân - chia sẻ.)**  - GV: Nhận xét ý kiến của HS, bổ sung nếu cần  + Đọc giọng to, rõ ràng và lưu loát, chú ý nhũng từ ngữ mang đặc trưng vùng đất Nam Bộ.  GV đọc mẫu một đoạn (từ đầu- thủy tinh  HS đọc 1 đoạn: HS đọc tiếp -> bảo đảm hơn.  GV tóm tắt phần còn lại đến hết   * HS đọc lần lượt đến hết VB -> nhận xét.   ***H: Truyện gồm những sự việc chính nào?***  **\* Sự việc chính**  - Tía nuôi An dẫn An và Cò đi lấy mật ong rừng;  - Trên đường đi, họ nghỉ chân, Cò đố An nhận biết được con ong mật. Bóng nắng lên, họ giở cơm ra ăn;  - Họ tiếp tục đi đến khoảng đất rộng, An reo lên khi nhìn thấy bầy chim. Gặp một kèo ong gác, An nhớ chuyện má nuôi kể về cách đặt gác kèo ong;  - An nhìn lên kèo ong nghĩ về cách “thuần hoá” ong rừng rất riêng biệt của người dân vùng U Minh. Rồi mọi người cùng ngồi ăn cơm dưới bụi cây râm mát.  ***GV y/c hs về nhà TT***  ***HĐCN – tg 2’ trả lời câu hỏi***  1. ***Nêu hiểu biết của em về tác giả? Tác phẩm ( thể loại, ngôi kể, lời kể của ai, đề tài, xuất xứ, nhân vật chính của đoạn trích?***  *HS thực hiện nhiệm vụ*  HS trình bày, chia sẻ, GV nhận xét, bổ sung, KL  **\* Tác giả :** Đoàn Giỏi (1925 – 1989) quê ở Tiền Giang.  - Ông là nhà văn của miền đất phương Nam với những sác tác về vẻ đẹp thiên nhiên trù phú, con người chất phác, thuần hậu, can đảm, trọng nghĩa tình và cuộc sống nơi đây.  - Ông có lối miêu tả vừa hiện thực vừa trữ tình và ngôn ngữ đậm màu sắc địa phương.  - Một số tác phẩm tiêu biểu: Đường về gia hương (1948), Cá bống mú (1956), Đất rừng phương Nam (1957)  **\* Tác phẩm:**  Đất rừng phương Nam là cuốn tiểu thuyết nổi tiếng nhất của Đoàn Giỏi.  - Tác phẩm gồm 20 chương, đã được dựng thành phim Đất phương Nam (1997), đoạn trích “ thuộc chương 9.  - Đất rừng phương Nam kể về cuộc sống của cậu bé An, lấy bối cảnh là miền Tây Nam Bộ những năm 50 của thế kỉ XX. Vì chiến tranh, An bị lạc mất gia đình và trở thành một đứa trẻ lang thang. Cậu được bố mẹ Cò cưu mang và trở thành con nuôi của họ. Sống với gia đình Cò, An được yêu thương như con đẻ và cũng học hỏi được nhiều điều mới lạ, thú vị.  ***HĐCĐ- thời gian 7p thực hiện yêu cầu sau:***  1. Cảnh sắc thiên nhiên được nhà văn tái hiện qua cái nhìn của ai? (Gạch chân vào sgk những chi tiết, câu văn miêu tả không gian, cảnh vật của rừng U Minh qua cái nhìn của nhân vật ấy)  3. Nhận xét về khả năng quan sát và cảm nhận về thiên nhiên của nhân vật ấy.  4. Nêu cảm nhận của em về vẻ đẹp cảnh sắc thiên nhiên rừng U Minh? (Em ấn tượng gì về rừng Phương Nam?)  **HS thực hiện nhiệm vụ**  HS trình bày, chia sẻ, GV nhận xét, bổ sung, KL  1. Cảnh sắc thiên nhiên được nhà văn tái hiện qua cái nhìn của nhân vật An.  \* Chi tiết miêu tả:  *- Buổi sáng, đất rừng thật là yên tĩnh. Trời không gió, nhưng không khí vẫn mát lạnh….Ánh sáng trong vắt, hơi gợn một chút óng ánh trên những đầu hoa tràm rung rung, khiến ta nhìn cái gì cũng có cảm giác như là nó bao qua một lớp thuỷ tinh;*  *- Rừng cây im lặng quá. Một tiếng lá rơi lúc này cũng có thể khiến người ta giật mình;*  *- Đó là ruồi xanh đang bay đứng. Óng ánh lướt những lá bông súng dưới vũng kia là con chuồn chuồn bay ngang với những cánh mỏng và dài;*  *- Phải hết sức tinh mắt, thính tai mới tìm được những tay sứ giả của bình minh này. Một con….hai con…ba con…Rồi một đàn mười mấy con bay nối nhau như một chuỗi hạt cườm, trong những tầng xanh cây lá, có một cái chấm nâu đen cỡ đầu đĩa vụt qua rất nhanh….tiếng kêu eo…eo…eo…eo;*  *- Chim hót líu lo. Nắng bốc hương hoa tràm thơm ngây ngất. Gió đưa mùi hương ngọt lan ra, phảng phất khắp rừng;*  *- Mấy con kì nhông nằm vươn mình phơi lưng trên gốc cây mục, sắc da lưng luôn luôn biến đổi từ xanh hoá vàng, từ vàng hoá đỏ, từ đỏ hoá tím xanh;*  *- Giữa vùng cỏ tranh khô vàng, gió thổi lao xao, một bầy chim hàng nghìn con vọt cất**cánh bay lên…*  2. An là cậu bé có khả năng quan sát tinh tế, có tâm hồn trong sáng biết phát hiện, cảm nhận vẻ đẹp của thiên nhiên.  3. Rừng U Minh hiện lên với vẻ đẹp phong phú, hoang sơ, kì thú và đầy chất thơ: Bình minh yên tĩnh trong vắt, mát lành; buổi trưa tràn đầy ánh nắng, ngây ngất hương hoa tràm; tiếng chim hót líu lo; nhiều loài cây nhiều màu sắc, nhiều loài côn trùng bé nhỏ kì lạ cùng thế giới đầy bí ẩn của loài ong;…  -> Qua đó ta thấy được tác giả là người gắn bó, yêu tha thiết vùng đất quê hương Nam bộ ,và TG muốn gửi gắm cho chúng ta đó là TY thiên nhiên và cần bảo vệ rừng- bảo vệ cs của chúng ta.  **THGDTTĐ ĐLS:** Các em cần có những việc làm gì trước vẻ đẹp của thiên nhiên?  **\* GV dẫn dắt chuyển ý:** cảnh thiên nhiên rừng U Minh nói riêng và vùng đất Phương Nam hiện lên đẹp nhưng hoang sơ và thơ mộng. Vậy con người nơi đây ntn .....  ***HS HĐCĐ (7p) hoàn thành phiếu bài tập theo tổ (Tổ 1: NV Tía nuôi, Tổ 2: NV Cò, Tổ 3,4: NV An)***  ***H1.Tìm những chi tiết miêu tả ngoại hình, cử chỉ, hành động, lời nói, suy nghĩ …của nhân vật tía nuôi, nhân vật Cò, nhân*** *vật An****? Nhận xét c*** ***ủa em về những chi tiết đó?***  ***H2. Nhận xét về nghệ thuật xây dựng nhân vật? Nêu cảm nhận của em về con người vùng đất phương Nam?***   * *Các nhóm báo cáo trên máy hắt – Chia sẻ* * *Gv nhận xét, chốt nội dung cho từng nhóm*  |  |  |  | | --- | --- | --- | | *P.diện* | ***Chi tiết*** | ***Nh ận x ét*** | | ***Ngoại hình, Cử chỉ, hành động*** | *- Bên hông lủng lẳng chiếc túi… để lấy lối đi* | *Vóc dáng khỏe mạnh, vững chãi, cử chỉ mạnh mẽ, dứt khoát… Toát lên vẻ đẹp của một người lao động từng trải, can đảm.* | | ***Lời nói( V***ới An) | *- Thôi, d ừng lại nghỉ…tôi đâu (nghe tiếng thở)*  *-Tôi vừa toan…tía nuôi đã đến cầm tay tôi trỏ lên…* | *Thể hiện sự quan tâm, yêu thương dành cho cậu con nuôi (nghe tiếng thở biết An mệt cần nghỉ chân, chú tâm chăm lo cho An hơn Cò vì biết An chưa quen đi rừng…)* | | ***V****ới loài ong* | *Nhưng có điều khác… về đóng tổ* | *Ông gác kèo cho ong rừng làm tổ rất giỏi và bảo vệ đàn ong, trân trọng sự sống.* |  |  |  |  | | --- | --- | --- | | *P.diện* | ***Chi tiết*** | ***Nhận xét*** | | ***Ngoại hình, Cử chỉ, hành động*** | *- Cặp chân như bộ giò nai lội suốt ngày trong rừng …*  *- Cò đội cái thúng to tướng, trong thúng đựng một vò nước, mấy gói cơm nắm…nón lá rách*  *- Khi An đã thấm mệt thì Cò coi bộ chưa thấm tháp gì*  *- Khoát tay ra hiệu đi thật khẽ…. Tổ ong kìa!* | *Cậu bé khỏe mạnh, nhanh nhẹn, thông thuộc về vùng đất* | | ***Lời nói với An*** | *- Hỏi An: “Đố mày biết con ong mật là con nào?”*  *- Giải thích cho An cách quan sát để phát hiện đường ong bay “Bây giờ mày cứ nhìn kĩ vào khoảng trống giữa hai nhánh tràm cao kia. …Nhìn một chỗ trống ấy thôi nhá. Nó tới liền bây giờ.*  *- Khi An ồ lên vì thấy rất nhiều chim -> Cò: “Thứ chim cỏ này đẹp gì… Thứ đổ bỏ… Mày mà gặp “sân chim” thì mày sẽ biết”*  *- Thằng mau quên…chành môi ra cười* | *Chững chạc, có kinh nghiệm, quan tâm, chỉ bảo cho An* |  |  |  |  | | --- | --- | --- | | *P.diện* | ***Chi tiết*** | ***Nhận xét*** | | ***Cử chỉ, lời nói, hành động*** | *- Quảy tòn ten một cái gùi bé*  *- “Chịu thua mày đó, tao không thấy con ong mật đâu cả”.*  *- “Chim đẹp quá Cò ơi! Ở đây nhiều chim quá!”*  *- “Sao biết nó về cây nào mà gác kèo?”*  *- “Kèo là gì hở má?”*  *- “Coi bộ cũng không khó lắm hở má?”* | *Đáng yêu, hồn nhiên, chân thật* | | ***Cảm nhận về tía nuôi, má nuôi, về Cò*** | *- “Quả là tôi đã mệt thật. Tía nuôi tôi chỉ nghe tôi thở đằng sau lưng ông thôi mà biết…*  *- Má nuôi tôi vò đầu tôi, cười rất hiền lành.*  *- Muốn hỏi Cò đủ thứ về rừng U Minh, về cách gác kèo, cách quan sát phát hiện bầy ong, về sân chim…* | *- An rất yêu quý, luôn nghĩ về họ với những tình cảm gần gũi, thân thuộc, ấm áp.*  *- An cảm thấy “ghen tị” vì Cò thành thạo, biết nhiều; luôn ngạc nhiên, ngưỡng mộ trước sự hiểu biết về rừng U Minh* | | ***Suy nghĩ về cách “ăn ong” của người dân U Minh*** | *- So sánh cách nuôi ong của ngườ La Mã, người Ai Cập, người Mê Tây Cơ, ở Phi châu, ở xứ Tây Âu… để thấy được sự độc đáo của người dân U Minh trong cách “ăn ong”.* | *An là người ham hiểu biết, thông minh.* |   *Gv :* Mỗi nhân vật trong tác phẩm mang nét tính cách riêng đậm chất Nam Bộ, một vẻ đẹp dung dị, thân thương, nhân hậu cùng tình yêu thiên nhiên sâu sắc mang đến cho người đọc những ấn tượng khó phai mờ về con người nơi đây…  **HS hoạt động cá nhân 2 phút – trình bày, nhận xét.**  ***H: Khái quát nghệ thuật, nội dung chính của văn bản “Đi lấy mật”?***  HS trả lời, nhận xét, bổ sung – GV chốt ý  **H*: Sau khi học xong văn bản “Đi lấy mật”, em học tập được điều gì về cách lựa chọn đề tài, về cách kể chuyện và về việc lựa chọn chi tiết của tác giả khi kể chuyện?***  *- Về cách lựa chọn đề tài khi kể:* Đề tài gần gũi  *- Về cách kể:*  Ngôn ngữ kể tự nhiên.  *- Về lựa chọn chi tiết để kể/tả:*  Lựa chọn những chi tiết tiêu biểu để kể/tả.  **HĐ 3: Luyện tập**  **\* Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn, củng cố kiến thức  **\* Tổ chức thực hiện**  **Hoạt động cá nhân 5 phút**  **- Gv gợi ý:**  + Về hình thức: Đảm bảo cấu trúc đoạn văn (từ 5- 7 câu)  + Về nội dung: Cảm nhận đúng về một chi tiết thú vị, tiêu biểu   * HS viết – trình bày * GV chốt chiếu đoạn văn tham khảo   Trích đoạn “Đi lấy mật” không chỉ kể về chuyến đi rừng, tìm hiểu về cách “ăn ong” của người dân U Minh mà còn miêu tả vẻ đẹp phong phú, sống động của những cánh rừng phương Nam. “*Chim hót líu lo. Nắng bốc hương hoa tràm thơm ngây ngất. Gió đưa mùi hương ngọt lan ra, phảng phất khắp rừng*”. Ba câu văn ngắn nhưng người đọc như được đánh thức các giác quan từ thính giác, thị giác đến khứu giác. Vẻ đẹp hoang sơ, huyền ảo của rừng U Minh khiến An lâng lâng trong cảm giác ngất ngây. Qua đó ta cũng nhận ra tài quan sát tinh tế, khả năng cảm nhận, phát hiện vẻ đẹp đầy chất thơ về rừng U Minh đại ngàn của An. | **I. Đọc và tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Đoàn Giỏi thường viết về thiên nhiên, con người và cuộc sống ở miền đất phương Nam với vẻ đẹp của vùng đất trù phú, người dân chát phác thuần hậu, can đảm, nghĩa tình.  **2, Tác phẩm**.  - Thể loại: tiểu thuyết  - Ngôi kể: ngôi thứ nhất. *(lời kể của An)*  - Đề tài: thiên nhiên, con người phương Nam  - Xuất xứ: chương 9 trong truyện Đất rừng phương Nam  - Nhân vật chính: An, Cò, tía nuôi  **II. Tìm hiểu văn bản**  **1.Cảnh sắc thiên nhiên rừng U Minh**  \* Cách quan sát, miêu tả tinh tế cho thấy cảnh rừng U Minhhiện lên với vẻ đẹp phong phú, hoang sơ, kì thú và đầy chất thơ. Đó chính là TY thiên nhiên, yêu quê hương đất nước của TG thông qua điểm nhìn của nhân vật chính.  **2. Vẻ đẹp của con người phương Nam.**  **a. Nhân vật tía nuôi**  => Tía nuôi của An là một người lao động dày dặn kinh nghiệm, tính cách mạnh mẽ, giàu lòng nhân hậu, yêu thương con người và thiên nhiên.  **b. Nhân vật Cò**  => Cò là một cậu bé sinh ra và lớn lên ở vùng đất rừng phương Nam, nhanh nhẹn, có hiểu biết về rừng U Minh.  **c. Nhân vật An**  ***=>*** An là cậu bé có tâm hồn trong sáng, yêu thương ba má nuôi, thông minh, ham hiểu biết có những phát hiện, cảm nhận vẻ đẹp thiên nhiên một cách tinh tế.  **\*** Với cách xây dựng nhân vật chân thực đặc sắc, mộc mạc đậm chất Nam Bộ, tác giả đã khắc họa được chân dung những người con phương Nam vừa gần gũi, bình dị, hồn nhiên, nhân hậu vừa mạnh mẽ, phóng khoáng…  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Sử dụng ngôn ngữ đối thoại.  - Miêu tả tâm lí nhân vật, miêu thiên nhiên tinh tế.  - Ngôn ngữ đậm màu sắc địa phương  **2. Nội dung**  - Kể về những trải nghiệm đi rừng, cách thuần hóa ong rừng, cách “ăn ong” của người dân U Minh cho thấy vẻ đẹp phong phú, hoang sơ, bí ẩn của rừng U Minh và tâm hồn trong sáng, tinh tế nhân hậu của con người .  **V. Luyện tập**    Viết đoạn văn (từ 5 – 7 câu) trình bày cảm nhận của em về một chi tiết thú vị trong đoạn trích “Đi lấy mật” |

**4.Củng cố**

H: Cảm nhận của em về văn bản “Đi lấy mật” ?

HS suy nghĩ, TL, nhận xét, bổsung.

GV khái quát nội dung bài học, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm.

**5. Hướng dẫn học bài**

**- Bài cũ:**

+ Xem lại toàn bộ nội dung đã học của bài “Đi lấy mật”

+ Học thuộc nội dung vở ghi.

Ngày dạy:

**Tiết 7: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**MỞ RỘNG THÀNH PHẦN CHÍNH CỦA CÂU BẰNG CỤM TỪ**

**I/ Mục tiêu**

**1/ Năng lực**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

- Biết được tác dụng của việc dùng cụm từ để mở rộng thành phần chính trong câu.

**\* Yêu cầu đối với HS khá giỏi**

Hiểu được tác dụng của việc dùng cụm từ để mở rộng thành phần chính trong câu.

**2/ Phẩm chất**

- Có ý thức sử dụng cụm từ để mở rộng thành phần chính của câu vào quá trình tạo lập văn bản sao cho phù hợp.

**II. Thiết bị dậy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

1. **Ổn định**

**2. Kiểm tra đầu giờ**

**H. *Việc mở rộng TN của câu bằng một cụm từ có tác dụng gì*?**

- Kiểm tra BT viết đoạn văn

HS trình bày – HS nhận xét, đánh giá – GV nhận xét, đánh giá

1. **Tổ chức các hoạt động học**

**\* Hoạt động 1**: **Mở đầu**

**a. Mục tiêu:**

Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. Tổ chức thực hiện

**HĐCN 2’,** quan sát hình ảnh sau và lựa chọn nội dung





A. Con chim bị nhốt trong lồng A. Con mèo đáng yêu

B. Con chim màu vàng bị nhốt trong lồng B. Những con mèo rất đáng yêu

***GV dẫn dắt vào bài****:* Những câu đã chọn đã mở rộng thành phần nào của câu?.....

**HĐ2 : Hình thành kiến thức**

**a. Mục tiêu:**

Hiểu được tác dụng của việc dùng cụm từ để mở rộng thành phần chính của câu. Vận dụng kiến thức về mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ trong giao tiếp và tạo lập văn bản.

**b. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| **H. Từ kiến thức đã học, em hãy cho biết thế nào là thành phần chính trong câu?**  Thành phần chính của câu bao gồm chủ ngữ và vị ngữ, đây là thành phần bắt buộc phải có mặt trong câu.  **H. Đặt câu có thành phần chính là một từ, sau đó mở rộng thành phần chính bằng cụm từ? Chỉ ra sự khác biệt giữa câu có thành phần chính là một từ và một cụm từ?**  VD  A. Con chim bị nhốt trong lồng  **B. Con chim màu vàng bị nhốt trong lồng**  A. Trời nắng  **B. Trời nắng chói chang**  **HĐ3: Luyện tập**  a. Mục tiêu  Vận dụng các kiến thức đã học đẻ làm bài tập  b. Tổ cức thực hiện  **HS HĐCN – 3p – thực hiện yêu cầu bài tập 1.a.b.c trang 24,25.**  HS trình bày – chia sẻ - GVKL  **HĐCĐ – 5p – thực hiện yêu cầu bài tập 2/trang 25.**  HS trình bày – chia sẻ - GVKL (MC)  **HS HĐCN – 3p – thực hiện yêu cầu bài tập 1.a.b.c trang 24,25.**  HS trình bày – chia sẻ - GVKL  GV đưa BT bổ sung  HS HĐCN – chia sẻ  GV nhận xét, chiếu đoạn văn TK  *Trải nghiệm đáng nhớ nhất của em cho đến thời điểm này là chuyến tham quan suối cá thần ở Cẩm Thủy. Ở dòng suối chỉ sâu khoảng nửa mét, rộng bốn đến năm mét, hàng ngàn con cá / tung tăng bơi lội. Mỗi con cá có thể nặng từ 2kg đến 8kg gồm các loài: cá dốc quý hiếm, cá chài, cá mại… với hình dáng lạ mắt, nhiều màu sắc, mỗi khi bơi thân cá lấp lánh ánh bạc rất đẹp. Tuy mật độ cá dày đặc nhưng nước suối không tanh. Đặc biệt, nước ở suối cá thần/ lúc nào cũng trong vắt, chỗ nào không bị đàn cá che khuất thì có thể nhìn rõ những viên sỏi và rong rêu. Em hi vọng sẽ có cơ hội trở lại đây vào một ngày không xa.* | **I. Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ**  **1. Bài tập**  **2. Kết luận**  - Mở rộng thành phần chính bằng cụm từ (cụm DT, cụm ĐT, cụm TT) có thể giúp câu cung cấp được nhiều thông tin hơn cho người đọc, người nghe.  **II. Luyện tập**  **1/ Bài tập 1/tr24,25**  + Câu (1): cụ thể hóa tiếng hót của chim.  + Câu (2): cụ thể hóa cảm giác về mùi thơm của hương hoa tràm.  + Câu (3): cung cấp thêm thông tin về hướng mà hương thơm lan tỏa.  + Câu (4): cung cấp thêm thông tin về vị trí mà tính chất màu da của đối tượng (con kì nhông).  **Bài tập 2/tr25**  **Bài tập 4/ tr25**  a. Gió bấc bắt đầu thổi mạnh.  b. Không khí buổi sáng thật trong lành.  c. Đàn ong mật đang bay vo ve.  **Bài tập:** Viết một đoạn văn khoảng 5 -7 câu kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của em, trong đó có sử dụng ít nhất 1 câu có thành phần chính là cụm từ. |

**PHỤ LỤC 1:**

**Bài tập 2**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Chủ ngữ (cụm từ)** | **Chủ ngữ (cụm từ) sau khi rút gọn** | **Sự thay đổi nghĩa của câu sau khi chủ ngữ được rút gọn** |
| a | Một tiếng lá rơi lúc này | - Tiếng lá rơi lúc này  - Một tiếng lá rơi  - Tiếng lá rơi  - Tiếng lá | Không xác định được địa điểm, thời gian, số lượng của tiếng lá rơi. |
| b | Phút yên tĩnh của rừng ban mai | - Phút yên tĩnh của rừng  - Phút yên tĩnh | Không xác định được chủ thể của phút yên tĩnh. |
| **c** | Mấy con gầm ghì sắc lông màu xanh | Mấy con gầm ghì | Không xác định được đặc điểm (màu lông) của mấy con gầm ghì. |

**Bài tập 3**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Vị ngữ (cụm từ)** | **Vị ngữ (cụm từ) sau khi rút gọn** | **Sự thay đổi nghĩa của câu sau khi chủ ngữ được rút gọn** |
| a | vẫn không thể rời tổ ong lúc nhúc trên cây tràm thấp kia. | không thể rời tổ ong | vị ngữ không nêu đưực thông tin về đặc điểm và vị trí của tổ ong *(lúc nhúc trên cây tràm thấp kia).* |
| b | im lặng quá | im lặng | vị ngữ sẽ không nêu được thông tin về mức độ của trạng thái im lặng *(quá).* |
| c | lại lợp, bện bằng rơm đủ kiểu, hình thù khác nhau... | lại lợp bằng rơm | vị ngữ sẽ không nêu được thông tin về đặc điểm kiểu dáng của tổ ong Tây Âu *(đủ kiểu, hình thù khác nhau).* |

**4/ Củng cố bài.**

**HS:** HĐCN 1P, trình bày – chia sẻ.

H. Việc mở rộng thành phần chính của câu bằng một cụm từ có tác dụng gì?

HS trình bày – chia sẻ. GV nhận xét, kết luận toàn bài.

**5/ Hướng dẫn học tập**

\*Bài cũ:

- Đọc và học kĩ nội dung của bài

- Hoàn thiện bài tập viết đoạn văn

\* Bài mới:

- Đọc, văn bản “Ngàn sao làm việc” của Võ Quảng tìm hiểu về tác giả, tác phẩm và trả lời các câu hỏi trong tài liệu trang 24 vào vở soạn.

Ngày giảng:

**Tiết 8,9. NGÀN SAO LÀM VIỆC (Võ Quảng)**

**I. Mục tiêu**

**1. Về năng lực**

- HS nhận biết được vẻ đẹp của khung cảnh êm đềm và nhịp sống bình yên nơi đồng quê, của vũ trụ bao la mà vẫn gần gũi, thân thuộc, vui nhộn. Bài thơ sẽ góp phần giúp các em hình thành, phát triển năng lực thẩm mĩ, trí tưởng tượng và tình yêu thiên nhiên.

- Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật và tính cách nhân vật.

- Biết yêu quý tuổi thơ và trân trọng giá trị của cuộc sống

**\* Học sinh khá giỏi**

Cảm nhận được ấn tượng chung về văn bản và những trải nghiệm giúp bản thân hiểu thêm văn bản.

**2. Về phẩm chất**

- Cảm nhận và biết yêu thiên nhiên.

- Biết yêu quý tuổi thơ và trân trọng giá trị của cuộc sống.

- Học tập bộ môn nghiêm túc.

**\* Tích hợp**

GDCD: giáo dục tinh thần đoàn kết, yêu lao động

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. GV**

- Học liệu: sách giáo khoa, sách giáo viên, ngữ liệu tham khảo, phiếu học tập (PHT), tranh ảnh liên quan.

- Thiết bị: máy tính, máy chiếu, bảng phụ.

2. HS

- SGK; đọc trả lời câu hỏi TL

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định**

1. **Kiểm tra bài cũ**
2. **Tổ chức các hoạt động học**

**\* HĐ 1: Mở đầu**

***a. Mục tiêu:***

Huy động kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm hình thành vấn đề liên quan đến nội dung bài học. Tạo tâm thế, hứng thú học tập cho HS

b. ***Tổ chức thực hiện:*** 5’

- GV Trình chiếu hình ảnh/ đoạn phim về bầu trời sao (bầu trời đêm) và yêu cầu HS xem và trả lời cau hỏi: **Em đã từng được quan sát bầu trời cao rộng lúc hoàng hôn hay khi đêm xuống chưa? Hãy chia sẻ cho các bạn những cảm nhận của em về khung cảnh đó.**

HS trình bày, nhận xét, bổ sung.

***GV*** vào bài mới ***:*** *Cuộc sống ngày càng phát triển với những tiện nghi hiện đại thì con người dường như càng rời xa thiên nhiên. Chúng ta đôi khi quên mất rằng, con người chúng ta chính là một phần của thiên nhiên tươi đẹp đó. Các em hãy một lần thả hồn và hòa mình vào khung cảnh thiên nhiên để thêm yêu, thêm trân trọng thế giới tự nhiên xung quanh mình như nhân vật “tôi” của Võ Quảng trong bài thơ “***Ngàn sao làm việc***”.*

**\* HĐ 2: Hình thành kiến thức**

***a.Mục tiêu :***

***+*** HS nhận biết được một số đặc điểm của văn bản thơ.

+ HS nhận biết và nhớ được chủ đề của văn bản “***Ngàn sao làm việc***”.

+ HS nhận biết, xác định và phân tích được những đặc điểm cơ bản làm nên đặc trưng thể loại thơ qua văn bản “***Ngàn sao làm việc***”: thể thơ, nhân vật trữ tình, biện pháp tu từ, chi tiết gợi tả...

b. ***Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **H. Văn bản này theo em cần đọc như thế nào?**  **- HS chia sẻ - GV bổ sung (nếu cần)**  Khi đọc, chú ý ngữ điệu phù hợp với nội dung văn bản. Giọng đọc rõ ràng, diễn cảm.  **- Đọc mẫu – gọi HS đọc**  **- Nhận xét – sửa**  **-** Chú ý các từ khó được giải thích: *Ngân Hà, Thần Nông, vó, nơm, Sao Hôm, Đại Hùng Tinh*.  **H. Nêu những nét chính về tác giả Võ Quảng**   * 1920 – 2007 * Quê: Quảng Nam   **H. Nêu** Xuất xứ của văn bản ? Thể thơ (thể loại), đề tài, bố cục của văn bản?  - Đề tài: Tuổi thơ và thiên nhiên (*hoặc:* Vẻ đẹp của bầu trời tuổi đêm qua con mắt trẻ thơ)  - Bố cục: 2 phần  + Phần 1: Khổ 1, 2: Tâm trạng, cảm nhận chung về thời gian, không gian của nhân vật trữ tình “tôi”.  + Phần 2: Khổ 3, 4, 5, 6: Những ấn tượng, cảm nhận của nhân vật “tôi” về khung cảnh bầu trời đêm.  **HĐCĐ (5’) Đọc khổ thơ 1, 2 và hoàn thành phiếu học tập theo các yêu cầu sau:**   * Phát hiện và chỉ ra các chi tiết, từ ngữ để nhận biết thời gian, không gian được miêu tả. * Cho biết nhân vật trữ tình “tôi” được nhắc đến trong bài thơ là ai, đang làm gì và tâm trạng của nhân vật được thể hiện như thế nào. (*Gợi ý câu hỏi gợi mở để HS nhận diện được nhân vật trữ tình “tôi” là ai:* dựa vào các chi tiết, hình ảnh “*Trâu tôi đã ăn no*”, “*Trâu tôi đi đủng đỉnh*”; Nhân vật “tôi” đang làm gì? Công việc nhân vật “tôi” đang làm thường là của người lớn hay trẻ em? Nhân vật “tôi” có tâm trạng như thế nào – vui, thư thái, bình yên, hay buồn bã, lo lắng, vội vàng?)   (*câu hỏi 1, 2 mục* ***Sau khi đọc***)  Graphical user interface, text, application  Description automatically generated  ***- Hs báo cáo – chia sẻ***  - **GV nhận xét tổng kết, đánh giá, bổ sung các câu trả lời.**  *Nhân vật trữ tình “tôi” là một bạn nhỏ sống ở làng quê. Trong hai khổ thơ đầu, nhân vật “tôi” xuất hiện với tâm trạng vui tươi, hạnh phúc. Bạn dắt trâu về nhà trong khung cảnh êm đềm, thơ mộng của đồng quê: bóng chiều tỏa, trời trở tối, người và trâu đi giữa trời đêm như “bước giữa ngàn sao”.*  **H**. Những sự vật nào trên bầu trời đêm được nhân vật “tôi” quan sát và miêu tả?  - Những sự vật nào trên bầu trời đêm được nhân vật “tôi” quan sát và miêu tả: sông Ngân Hà, sao Thần Nông, những sao dọc ngang, sao Hôm, nhóm Đại Hùng Tinh, hừng đông.  **H**. Tác giả đã sử dụng những biện pháp tu từ nào trong 4 khổ thơ miêu tả khung cảnh bầu trời đêm?  - sử dụng những biện pháp tu từ trong 4 khổ thơ miêu tả khung cảnh bầu trời đêm là: so sánh, nhân hóa, ẩn dụ.  **HĐN (5’**) **Đọc 4 khổ thơ cuối và hoàn thành phiếu học tập:**  1. Chỉ ra những hình ảnh so sánh, liên tưởng được nhà thơ sử dụng để miêu tả dải Ngân Hà và các ngôi sao dọc ngang, các chòm sao Thần Nông, sao Hôm, sao Đại Hùng.  2. Tìm và chỉ ra những nét chung của những hình ảnh so sánh, liên tưởng đó.  3. Nêu (rút ra) ấn tượng chung (những liên tưởng) về khung cảnh bầu trời đêm hiện lên qua trí tưởng tượng của nhân vật “tôi”.  4. Qua những liên tưởng thú vị về khung cảnh bầu trời đêm, em có cảm nhận như thế nào về tâm hồn của nhân vật “tôi” trong bài thơ?  **- Đại diện nhóm báo cáo – chia sẻ**  **- GV nhận xét, bình, KL**  + Nét chung của các hình ảnh so sánh, liên tưởng trong đoạn thơ là: hầu hết các chòm sao đều được so sánh, liên tưởng với những vật dụng lao động của người nông dân (*chiếc vó, chiếc nơm, đuốc đèn soi cá, chiếc gàu…*). Vì vậy, hình ảnh bầu trời đêm gợi liên tưởng đến khung cảnh lao động của người nông dân: rất quen thuộc, gần gũi, sống động, nhộn nhịp, tươi vui.  + Nhân vật “tôi” có những ấn tượng chung về khung cảnh bầu trời đêm: khung cảnh rộng lớn, mênh mông và không khí tươi vui, rộn rã. Ngàn sao tỏa sáng, những chòm sao hiện lên sống động như những con người đang mải miết, cần mẫn, hăng say trong công việc lao động thường ngày…  + Tâm hồn của nhân vật “tôi”: rộng mở, giao hòa với thiên nhiên, với vũ trụ; có sự quan sát tinh tế, sự cảm nhận sâu sắc; có tình yêu và sự gắn bó với quê hương.  **H. Nêu nghệ thuật và nội dung của bài thơ?** | **I. Đọc – tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**: Võ Quảng  - Thơ viết cho thiếu nhi của ông giản dị, trong sáng, gợi nhiều liên tưởng bất ngờ, độc đáo.  **2. Tác phẩm**  **a.Thể loại:** thể thơ năm chữ tự do  **b. Đề tài**: Tuổi thơ và thiên nhiên  **c. Bố cục:** 2 phần  **II. Tìm hiểu văn bản**  **1. Tâm trạng của nhân vật trữ tình “tôi” trong hai khổ thơ đầu**   * Thời gian: *bóng chiều, trở tối mò, ngàn sao.* * Không gian: *bờ bụi rậm, đồng quê đang xanh thẫm, trời yên tĩnh, ngàn sao*   - Cánh đồng quê vào buổi chiều tối yên tĩnh, thanh bình.   * Nhân vật trữ tình “tôi”: * Là một bạn nhỏ sống ở làng quê. * Dắt trâu về giữa khung cảnh làng quê yên bình   - Tâm trạng vui tươi, bình yên, hạnh phúc.  **2. Những ấn tượng về khung cảnh bầu trời đêm qua trí tưởng tượng của nhân vật “tôi” trong 4 khổ thơ cuối.**   * Dải Ngân Hà – dòng sông chảy giữa trời*.* * Sao Thần Nông – chiếc vó bằng vàng. * Những sao dọc ngang – tôm cua bơi lội * Sao Hôm – đuốc đèn soi cá * Nhóm Đại Hùng tinh – gàu tát nước bên sông.   Những ngôi sao được ví như những vật dụng, công cụ lao động của người nông dân  Khung cảnh thiên nhiên với ngàn sao rộng lớn, mênh mông; không khí tươi vui, rộn rã tựa như một ngày lao động hăng say của con người.  Tâm hồn nhân vật “tôi” rộng mở, giao hòa với thiên nhiên  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**   * Sử dụng thể thơ 5 chữ*.* * Kết hợp các biện pháp tu từ (so sánh, nhân hóa), từ ngữ giàu sức gợi hình.   **2. Nội dung**   * Bài thơ gợi được vẻ đẹp của khung cảnh êm đềm và nhịp sống bình yên nơi đồng quê, của thiên nhiên, vũ trụ bao la mà vẫn gần gũi, thân thuộc.   Qua đó, khơi gợi tình yêu với thiên nhiên trong mỗi người. |

**\* HĐ 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** huy động kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm đã được hình thành để trình bày củng cố lại kiến thức liên quan nội dung bài học.

**b. Tổ chức thực hiện. HĐCN**

**Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) phân tích nội dung và nghệ thuật một chi tiết gợi tả đặc sắc mà em ấn tượng trong bài thơ “*Ngàn sao làm việc*” của nhà thơ Võ Quảng.**

(Có thể lựa chọn các chi tiết về các hình ảnh so sánh, liên tưởng: dải Ngân Hà, sao Thần Nông, sao Hôm, sao Đại Hùng, hình ảnh “*hừng đông phe phẩy chiếc quạt hồng*”-> HS nêu được: những liên tưởng thú vị; thể hiện trí tưởng tượng phong phú và cái nhìn vui tươi, hồn nhiên, trong sáng của trẻ thơ đối với thế giới tự nhiên)

- Báo cáo kết quả: nộp lại bài viết theo yêu cầu của GV

- GV chấm chữa, nhận xét bài làm của HS.- cho điểm

**4. Củng cố - HDHB**

- GV khái quát lại nội dung bài học

Ngày giảng:

**BÀI 1: TIẾT 10,11:**

**TÓM TẮT VĂN BẢN THEO NHỮNG YÊU CẦU KHÁC NHAU VỀ ĐỘ DÀI**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực:**

- HS biết tóm tắt một VB theo những yêu cấu khác nhau về độ dài, đảm bảo được nội dung chính của VB.

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**\* Học sinh khá, giỏi**

Sáng tạo trong việc tóm tắt văn bản theo yêu cầu

**2. Phẩm chất**:

Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án, máy tính, máy chiếu.

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi.

**2. Chuẩn bị của HS:**

SGK, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**1. HĐ mở đầu:**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Tổ chức thực hiện:**

***H: Hãy kể ngắn gọn lại một câu chuyện mà em yêu thích ?***

HSTL

GV dẫn dắt vào bài học mới: Bạn vừa tóm tắt 1 văn bản, vậy khi tóm tắt một văn bản với những yêu cầu khác nhau về độ dài, chúng ta sẽ làm như thế nào?...

**2. HĐ Hình thành kiến thức**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được các yêu cầu khi viết một văn bản tóm tắt

- HS biết biết tóm tắt một VB theo những yêu cấu khác nhau về độ dài

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV – HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **-** HĐCN 2p: đọc thông tin SGK và TLCH:  ***H:Theo em khi viết một văn bản tóm tắt cần những yêu cầu gì?***  HS chia sẻ  GVNX - KL  **HS HĐCĐ 7p:** Hoàn thành phiếu học tập (chiếu slide )  ***H. Nhớ lại văn bản Sơn Tinh Thủy Tinh và xác định nội dung, chủ đề, các sự kiện chính của văn bản?***    HS báo cáo, chia sẻ  GV nhận xét, bổ sung, KL:  **– Nội dung, chủ đề của văn bản tóm tắt:**  **+ Nội dung** kể về câu chuyện kén rể của vua Hùng và cuộc giao tranh giữa hai vị thần Sơn Tinh, Thủy Tinh để tranh giành công chúa Mị Nương.  **+ Chủ đề:** Giải thích hiện tượng thiên nhiên (thiên tai lũ lụt hằng năm).  **– Nội dung chính của văn bản được tóm tắt:**  + Vua Hùng kén rể.  + Sơn Tinh, Thủy Tinh đến cầu hôn.  + Vua Hùng ra điều kiện kén rể.  + Sơn Tinh mang đầy đủ lễ vật đến trước và rước Mị Nương về núi.  + Thủy Tinh đến sau không cưới được vợ, nổi giận mang quân đi đánh Sơn Tinh.  + Hai bên giao chiến hằng tháng trời, cuối cùng Thủy Tinh thua đành rút lui.  + Hằng năm, Thủy Tinh lại dâng nước lên đánh Sơn Tinh, gây ra lũ lụt. | **I. Yêu cầu đối với các văn bản tóm tắt**  - Phản ánh đúng nội dung của văn bản gốc.  - Trình bày được những ý chính của văn bản gốc.  - Sử dụng các từ ngữ quan trọng của văn bản gốc.  -  Đáp ứng được những yêu cầu khác nhau về độ dài của văn bản tóm tắt.  **II. Phân tích bài tóm tắt tham khảo**  **1. Bài tập Tóm tắt văn bản Sơn Tinh, Thuỷ Tinh trong Ngữ văn 6, tập hai**  **2. Kết luận**  - Trình bày được những ý chính của văn bản gốc.  - Sắp xếp các ý chính của văn bản gốc theo một trình tự hợp lí  - Dùng lời văn của em kết hợp với những từ ngữ quan trọng trong văn bản gốc để viết bài tóm tắt  - Chú ý đảm bảo về độ dài của văn bản tóm tắt |

**Phiếu học tập 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Văn bản 1** | **Văn bản 2** |
| 1. Văn bản tóm tắt có trung thành với văn bản gốc không? | Trung thành với văn bản gốc | Trung thành với văn bản gốc |
| 2. Văn bản tóm tắt có trình bày được những ý chính của văn bản gốc không? | Trình bày được ý chính, điểm quan trọng | Trình bày được ý chính, điểm quan trọng |
| 3. Liệt kê các từ ngữ quan trọng của văn bản gốc được thể hiện trong văn bản tóm tắt | - Hùng Vương thứ mười tám, Mị Nương, Sơn Tinh- chúa miền non cao, Thủy Tinh- chúa miền nước thẳm, cầu hôn, lễ vật, nổi giận, thua... | - Hùng Vương thứ mười tám, Mị Nương, Sơn Tinh- chúa miền non cao, Thủy Tinh- chúa miền nước thẳm, cầu hôn, lễ vật, nổi giận, thua... |
| 4. Nhận xét về độ dài của văn bản tóm tắt. | - Ngắn hơn, có 4 câu | - Dài hơn, có 12 câu |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV – HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **HĐCN 2p**  **H*: Nêu các bước khi viết vb tóm tắt ?***  HS chia sẻ  GVNX - KL  **B1: Trước khi tóm tắt**  a. Đọc kĩ văn bản gốc  b. Xác định nội dung chính cầm tóm tắt  - Xác định nội dung cốt lõi của toàn văn bản  - Xác định các ý chính của từng phần:  + Bối cảnh  - Ở đâu?  - Khi nào?  + Nhân vật  + Sự việc: 1,2,3  - Tìm các từ ngữ quan trọng của văn bản  - Ghi ra giấy những ý chính của văn bản | **III. Thực hành viết theo các bước**  **Bước 1. Trước khi tóm tắt**  - Đọc kĩ văn bản gốc  - Xác định nội dung chính cầm tóm tắt  - Xác định yêu cầu về độ dài của văn bản  **Bước 2.Viết văn bản tóm tắt**  - Sắp xếp các ý chính của văn bản gốc theo một trình tự hợp lí  - Dùng lời văn của em kết hợp với những từ ngữ quan trọng trong văn bản gốc để viết bài tóm tắt  - Chú ý đảm bảo về độ dài của văn bản tóm tắt  **Bước 3. Chỉnh sửa** |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, Hs tập viết vb tóm tắt đảm bảo yêu cầu.

**b. Tổ chức thực hiện:**

***H. Em hãy viết một đoạn văn (khoảng 8-10 câu) tóm tắt văn bản “Bầy chim chìa vôi”- Nguyễn Quang Thiều***? ( Chiếu slide )

HS HĐCN bước1,2,3

GV gợi ý:

**- XĐ nội dung chính trong từng phần**

**+ PHẦN 1:** Khoảng hai giờ sáng, trời mưa to, hai anh em Mên và Mon không ngủ được. vì “sợ những con chim chìa vôi ở bãi sông bị chết đuối”

**+ PHẦN 2:** Hai anh em Mên và Mon vẫn lo rằng tổ chim chìa vôi sẽ bị ngập chìm trong dòng nước lớn. Hai anh em nghĩ cách mang tổ chim vào bờ.

**+ PHẦN 3:** Mên và Mon đi đò ra giữa sông và xúc động khi chứng kiến cảnh chim bố, chim mẹ dẫn bầy chim non bay lên, bứt khỏi dòng nước khổng lồ.

**- Tìm các từ ngữ quan trọng của văn bản:**

VD: Hai anh em *Mên và Mon*, *bẫy chim chìa vôi*, *con đò*, *bãi cát giữa sông*,…

– HS dựa vào yêu cầu của đề bài để xác định độ dài văn bản.

– **Lưu ý**: Căn cứ vào yêu cầu về độ dài của VB để lựa chọn ý lớn, ý nhỏ cho VB tóm tắt. Khi tóm tắt VB tự sự, để có VB tóm tắt ngắn gọn, cần chú ý lựa chọn các sự việc chính; còn để VB tóm tắt có dung lượng lớn hơn, cần mở rộng các sự việc bằng những chi tiết tiêu biểu trong VB gốc

**HS hoàn thiện viết vb tóm tắt**

**GV chấm, chữa bài cho hs**

**Bài viết tham khảo:**

Khoảng hai giờ sáng, trời mưa to, hai anh em Mên và Mon không ngủ được vì “sợ những con chim chìa vôi ở bãi sông bị chết đuối”. Hai anh em thì thầm nói chuyện về cơn mưa, bãi cát dưới sông sẽ ngập và bầy chim chìa vôi đang làm tổ dưới đó. Hai anh em Mên và Mon vẫn lo rằng tổ chim chìa vôi sẽ bị ngập chìm trong dòng nước lớn. Hai anh em nghĩ cách mang tổ chim vào bờ và quyết định lấy đồ của ông Hảo để đi cứu bầy chim. Mên và Mon đi đò ra giữa sông và xúc động khi chứng kiến cảnh chim bố, chim mẹ dẫn bầy chim non bay lên, bứt khỏi dòng nước khổng lồ. Cho đến khi bầy chim non đã thực hiện xong chuyến bay quan trọng, hai anh em vẫn đứng không nhúc nhích, nhận ra chúng đã khóc từ lúc nào và ngượng nghịu nhìn nhau cười rồi rướn người chạy thật nhanh về ngôi nhà của mình.

**\* Củng cố, hướng dẫn học bài (3p)**

- GV yêu cầu HS nhắc lại các bước làm vb tóm tắt?

- Về nhà làm bài tập: ***Em hãy viết một bài văn tóm tắt văn bản “Đi lấy mật” – Trích trong Đất rừng phương Nam của Đoàn Giỏi***

- Chuẩn bị bài giờ sau: Nói và nghe trao đổi một vấn đề mà em quan tâm.

Tổ chuyên môn duyệt

Phạm Thị Nguyệt